

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Nguyễn Đức Thu¹, Nguyễn Văn Anh²

Tóm tắt

Doanh nghiệp là thành phần quan trọng của nền kinh tế, mỗi doanh nghiệp phải thực sự bền vững mới tạo ra nền kinh tế bền vững. Bộ chỉ số Bền vững doanh nghiệp (CSI) do Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển Việt Nam xây dựng được sử dụng để ghi nhận các mục tiêu, đo lường và đánh giá mức độ thực hiện hoạt động phát triển bền vững của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng của tỉnh Thái nguyên. Từ đó có những đề xuất, kiến nghị xuất phát từ phía doanh nghiệp để phát triển bền vững doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Từ khóa: *Phát triển bền vững, doanh nghiệp nhỏ và vừa, Bộ chỉ số Bền vững doanh nghiệp, vật liệu xây dựng, tỉnh Thái Nguyên*

SUSTAINABLE DEVELOPMENT FOR SMALL AND MEDIUM ENTERPRISES OPERATING IN CONSTRUCTION MATERIALS PRODUCTION IN THAI NGUYEN PROVINCE, VIETNAM

Abstract

Business sector is an important part of every economy, in which each sustainable company contributes significantly to the sustainability of the economy. Company Sustainability Index (CSI) developed and issued by the Vietnamese Corporate Council for the Development of Vietnam was employed to record businesses' goals, measure and evaluate achievements in sustainable development of businesses operating in construction materials production in Thai Nguyen province. The study also proposes a number of relevant solutions from small and medium business' perspective for sustainable development of construction materials production companies in Thai Nguyen province.

Keywords: *Sustainable development, medium and small enterprises, Company Sustainability Index, construction materials, Thai Nguyen.*

1. Giới thiệu sự cần thiết phát triển bền vững doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng.

Khái niệm "phát triển bền vững" xuất hiện trong phong trào bảo vệ môi trường từ những năm đầu của thập niên 70 của thế kỷ 20. Năm 1987, trong Báo cáo "Trương lai chung của chúng ta" của Hội đồng Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED) của Liên hợp quốc, "phát triển bền vững" được định nghĩa "là sự phát triển đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại, nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau".[7].

Năm 2001, Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển bền vững Thế giới (WBCSD) đã đưa ra một Báo cáo " Sự bền vững thông qua thị trường" trong đó cụ thể chương trình cải thiện các thị trường để phát triển bền vững. Báo cáo này giải thích cách làm sao thị trường có thể giúp thực hiện tốt hơn giá trị sản phẩm môi trường và dịch vụ thiết yếu đối với chất lượng cuộc sống của chúng ta. John Blewitt trong cuốn "Tìm hiểu về phát triển bền vững" (Understanding Sustainable Development) xuất bản năm 2008 cũng đóng góp một phần quan trọng vào lý thuyết về phát triển bền vững, trong đó phải kể

đến những phân tích về mối quan hệ giữa xã hội và môi trường, phát triển bền vững và điều hành của Chính phủ; các công cụ, hệ thống để phát triển bền vững, phác thảo về một xã hội bền vững.[2]. Ngô Thắng Lợi và Vũ Thanh Hường đã công bố kết quả nghiên cứu: "Gắn kết mục tiêu phát triển bền vững trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa ở Việt nam" tại Tạp chí kinh tế và phát triển – Số 209/2014.

Phát triển bền vững là nhu cầu cấp bách và xu thế tất yếu trong tiến trình phát triển của xã hội loài người, vì vậy, đã được các quốc gia trên thế giới đồng thuận xây dựng thành Chương trình nghị sự cho từng thời kỳ phát triển của lịch sử. Chương trình nghị sự 2030 của Liên hiệp quốc về PTBV bao gồm 17 Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) với 169 chỉ tiêu nhằm chấm dứt đói nghèo, chống bất bình đẳng và bất công, và chống biến đổi khí hậu cho tới năm 2030 đã được thông qua ngày 25/9/2015.. Chương trình nghị sự nhấn mạnh vai trò của các doanh nghiệp trong việc thực hiện thành công SDGs, bên cạnh vai trò của chính phủ và các tổ chức quốc tế. Điều này có nghĩa các doanh nghiệp được xem là một trong những yếu tố chủ chốt, đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và đầu tư vào

đổi mới sáng tạo nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và báo cáo tới các nhà hoạch định chiến lược về cách thức hoạt động của mình đóng góp vào Chương trình nghị sự về PTBV toàn cầu. Để thực hiện tốt điều này đòi hỏi sự phát triển bền vững từ phía doanh nghiệp.

Phát triển bền vững (PTBV) là bộ khung chính để doanh nghiệp xây dựng bộ máy hoạt động của mình, tối ưu quy trình sản xuất kinh doanh, chuỗi cung ứng... để từ đó không chỉ tạo ra các tác động tích cực đối với môi trường, góp phần phát triển cộng đồng mà còn tạo ra những giá trị bền vững cho chính doanh nghiệp đó. Xét về mặt lâu dài, việc đầu tư cho PTBV sẽ là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Trong lộ trình hướng đến mục tiêu PTBV của mỗi quốc gia phải kể đến vai trò quan trọng của các doanh nghiệp, lực lượng góp phần đáng kể tạo ra của cải, vật chất cho xã hội; nhưng cũng chính là tác nhân “để lại” những “dấu chân” ảnh hưởng đến môi trường. Một chiến lược PTBV toàn diện sẽ giúp doanh nghiệp sớm nhận diện rủi ro trong toàn bộ chuỗi cung ứng của mình để có kế hoạch điều chỉnh kịp thời, nâng cao hiệu suất hoạt động, xây dựng niềm tin đối với khách hàng và với tất cả các bên liên quan, qua đó nâng tầm giá trị doanh nghiệp.[6].

Theo báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, hiện nay tỉnh Thái Nguyên có khoảng gần 5.200 doanh nghiệp đang hoạt động với tổng vốn đăng ký trên 37.000 tỷ đồng, trong đó các doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm trên 98%. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) [3]. trong lĩnh vực sản xuất Vật liệu xây dựng (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) đang đối mặt với những thách thức gay gắt trong phát triển bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường. So với các DNNVV của các ngành khác các doanh nghiệp của ngành sản xuất vật liệu xây dựng có những đặc điểm khác biệt: (1) Sử dụng các nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu là tài nguyên, khoáng sản, các vật liệu không tái tạo như đá vôi, cát, đất sét...do vậy, cần bố trí sản xuất gần nơi có các mỏ khoáng sản, tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn trong vận chuyển. (2). Công nghệ sản xuất chậm đổi mới, các sản phẩm sản xuất gặp nhiều khó khăn trong chuyển đổi mặt hàng để đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng. (3). Phát thải một lượng lớn chất thải gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là vấn đề gây ô nhiễm môi trường không khí, khói, bụi, tiếng ồn, nguồn nước...[5].

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ban hành “Định hướng chiến lược phát triển bền vững tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 (Chương trình nghị sự 21 Thái Nguyên)”. [4]. Tuy nhiên,

tài liệu này mới chỉ dừng lại ở việc xác định một khung pháp lý nhằm hướng tới PTBV cho các chính sách phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Thái Nguyên, việc nghiên cứu vấn đề phát triển bền vững doanh nghiệp vừa và nhỏ (PTBVDNNVV) chỉ là các mục tiêu và định hướng chung. Các giải pháp đưa ra được nhìn nhận đánh giá từ phía các cấp, các ngành, các thành phần tham gia trong chuỗi giá trị sản xuất sản phẩm. Từ góc độ doanh nghiệp còn thiếu những ghi nhận, xem xét, phân tích, đánh giá khách quan, khoa học đối với hoạt động sản xuất kinh doanh hướng đến phát triển bền vững.

Do đó, cần phải xem xét, đánh giá hoạt động phát triển bền vững để có những đề xuất, kiến nghị từ phía các doanh nghiệp nhằm phát triển bền vững doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Đồng thời giúp các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tạo dựng niềm tin đối với khách hàng và các bên liên quan, nâng tầm giá trị doanh nghiệp đối với xã hội, triển khai thực hiện các nội dung phát triển bền vững của địa phương, thực hiện chương trình Nghị sự 2030 của Việt Nam và hội nhập Quốc tế.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bộ chỉ số Bền vững doanh nghiệp (CSI) do Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển Việt Nam xây dựng như là thước đo giá trị của doanh nghiệp dựa trên các tiêu chí về phát triển bền vững trong các lĩnh vực kinh tế, môi trường và xã hội, như là một công cụ để ghi nhận các mục tiêu, đo lường và quản lý các thay đổi nhằm làm cho hoạt động của doanh nghiệp được bền vững hơn [6].

CSI bao gồm các tiêu chí phù hợp với bối cảnh chính trị, xã hội trong nước cũng như các thông lệ quốc tế gồm 4 nhóm tiêu chí chính: (1). Các tiêu chí chung về tình hình thực hiện phát triển bền vững tại doanh nghiệp bao gồm: Báo cáo bền vững hàng năm tại doanh nghiệp; chiến lược phát triển doanh nghiệp; mức độ quan trọng của các vấn đề xã hội và môi trường đối với doanh nghiệp; động lực thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện chính sách về môi trường và xã hội (2). Nhóm tiêu chí về sản xuất và tiêu dùng bền vững của doanh nghiệp bao gồm: sản xuất bền vững; tiêu dùng bền vững; đảm bảo sự hài lòng của khách hàng và người tiêu dùng. (3). Nhóm tiêu chí về hoạt động bảo vệ môi trường của doanh nghiệp bao gồm: Tuân thủ pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường; phòng ngừa ô nhiễm, khắc phục sự cố, cải thiện môi trường; tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu.

(4). Nhóm tiêu chí về sự quan tâm của doanh nghiệp đối với các vấn đề xã hội bao gồm: Quan hệ xã hội; phòng chống tham nhũng và độc quyền kinh doanh; sử dụng và đào tạo người lao động; các chế độ tiền lương, bảo hiểm và phúc lợi cho người lao động; dân chủ tại nơi làm việc và thỏa ước lao động tập thể.

Nhóm nghiên cứu sử dụng chính Bộ Chỉ số doanh nghiệp bền vững để khảo sát, điều tra, phỏng vấn. Căn cứ vào các tiêu chí trong CSI hoạt động phát triển bền vững của doanh nghiệp được xem xét, đánh giá, đo lường mức độ thực hiện. Các yếu tố ảnh hưởng tới mức độ thực hiện các tiêu chí, những thuận lợi và khó khăn, nguyên nhân gây cản trở mức độ hoàn thành các tiêu chí được tổng hợp thông qua hệ thống bảng

câu hỏi điều tra, phiếu phỏng vấn theo cấu trúc cho từng đối tượng điều tra, phỏng vấn sâu các đối tượng và thành phần của doanh nghiệp tham gia hoạt động phát triển bền vững. Từ đó có định hướng và lộ trình thích hợp, đề xuất và kiến nghị cụ thể nhằm phát triển bền vững các DNNVV trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng ở Thái Nguyên.

Chọn ngẫu nhiên 15 doanh nghiệp DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, phân tích số liệu thông qua các phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh, phương pháp phỏng vấn sâu (In-depth interviews) được áp dụng để phỏng vấn các doanh nghiệp để so sánh, phân tích, đo lường tính bền vững trong phát triển. Tổng hợp số liệu bằng ứng dụng Excel.

Bảng 1: Số lượng DNNVV trong lĩnh vực sản xuất VLXD của tỉnh Thái Nguyên theo các chỉ tiêu tổng hợp

DVT: Tỷ đồng

Năm	Tổng số Doanh nghiệp	Nguồn vốn kinh doanh	Giá trị tài sản cố định còn lại	Số lao động (người)	Số lao động nữ (người)	Doanh thu thuần	Tổng thu nhập của người lao động
2010	39	774.48	684.57	4061	1395	713.82	124.70
2013	48	3298.00	1839.72	4294	1368	1295.28	187.45
2014	47	3283.12	1965.33	4255	1344	1516.59	186.25
2015	43	3238.92	1868.40	3850	1080	1641.51	222.50
2016	49	3313.12	1775.91	3658	1198	1701.63	267.00

Nguồn: Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên

3. Thực trạng hoạt động phát triển bền vững của các DNNVV trong lĩnh vực sản xuất VLXD trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Về sản xuất, số liệu trong bảng 1 cho thấy hoạt động sản xuất có chiều hướng phát triển, doanh thu và lợi nhuận đều tăng. Tuy nhiên mức độ tăng trưởng không đồng đều, doanh thu và lợi nhuận giai đoạn 2010-2013 có tăng nhanh sau đó giảm dần tính chung doanh thu năm 2016 tăng gấp 2,38 lần so với năm 2010, lợi nhuận năm

2016 gấp 2,71 lần so với năm 2010. Tuy nhiên khả năng sinh lợi tăng giảm không đều, so với năm 2010 năm 2016 chỉ đạt từ 63% đến 70%. Thông qua phỏng vấn chuyên sâu các đối tượng lãnh đạo doanh nghiệp cho thấy thực tế các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có chiều hướng phát triển. Tuy nhiên, chưa đáp ứng được nội dung cơ bản của phát triển sản xuất bền vững là tăng trưởng nhanh và ổn định trong dài hạn.

Bảng 2: Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp được điều tra

DVT: Tỷ đồng

STT	Tiêu chí	Tốc độ tăng trưởng (lần)				
		2013/2010	2014/2013	2015/2014	2016/2015	2016/2010
1	Tổng doanh thu	1.8146	1.1709	1.0824	1.0366	2.3838
2	Tổng lợi nhuận	1.9960	1.1496	1.1225	1.0551	2.7176
3	Khả năng sinh lời của tài sản(ROA)	0.4687	1.1548	1.1378	1.0315	0.6353
4	Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu(ROE)	0.4464	1.0544	1.0904	1.3753	0.7058

Nguồn: Số liệu điều tra tại các doanh nghiệp

Mặc dù doanh thu, lợi nhuận đều tăng nhưng các chỉ số sinh lời có chiều hướng giảm sút (bảng 2) vì một số lý do: Các doanh nghiệp đều sử dụng mô hình kinh doanh truyền thống, sử dụng công nghệ sản xuất lạc hậu, thiết bị ít được đổi mới, mức tiêu hao năng lượng, nguyên nhiên liệu lớn nên nguồn tích lũy chưa cao. Đồng thời, công tác quản trị điều hành kém hiệu quả dẫn đến hiệu quả sử dụng tài sản thấp, một số khoản nợ khó đòi hoặc không đòi được, lãi suất vay vốn cao, hàng tồn kho còn nhiều.

Qua khảo sát phần lớn các doanh nghiệp chưa lập Báo cáo bền vững hàng năm, một số ít doanh nghiệp đang có kế hoạch lập. Về tổng thể hoạt động phát triển bền vững của các doanh nghiệp chưa được quan tâm, chủ yếu là hoạt động tự phát chưa được lập kế hoạch và tổng kết. Thực tế, tất cả các doanh nghiệp chưa bắt buộc phải lập báo cáo này, một số cơ quan chủ quản có yêu cầu lập đã không đôn đốc, sát sao việc thực hiện của các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp không được hướng dẫn cụ thể về việc lập báo cáo bền vững, việc kiểm tra giám sát không thường xuyên liên tục, do đó không thực hiện hoặc không biết lập như thế nào.

Đối với chiến lược phát triển doanh nghiệp, 45% số doanh nghiệp được hỏi đã trả lời là có, 20% đang có kế hoạch, 35% chưa có. Các doanh nghiệp có chiến lược phát triển khi được hỏi cụ thể về chiến lược phát triển thực ra là kế hoạch phát triển trung hạn và ngắn hạn, các định hướng chiến lược đưa ra trong các kế hoạch này chung chung và không có căn cứ. Do đó các doanh nghiệp chưa có chiến lược phát triển được xây dựng bài bản dựa trên các căn cứ khoa học. Thông qua phỏng vấn chi tiết, hoạt động lập chiến lược được các cơ quan chủ quản hướng dẫn chưa rõ ràng, cụ thể. Doanh nghiệp không có chuyên môn, không bố trí cán bộ thực hiện. Do đó doanh nghiệp không thực hiện hoặc lập không đáp ứng được yêu cầu chung của một bản chiến lược. Để hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp đều có định hướng chiến lược, nhưng chiến lược phát triển doanh nghiệp được ngầm hiểu trong suy nghĩ của chủ doanh nghiệp hoặc lãnh đạo chủ chốt của doanh nghiệp, chưa được xây dựng bài bản dựa trên các căn cứ cụ thể. Như vậy, chiến lược phát triển doanh nghiệp các cam kết đối với hoạt động bảo vệ môi trường và sự quan tâm đến các vấn đề xã hội của doanh nghiệp chưa được cụ thể hóa trong hoạt động phát triển bền vững.

Các hoạt động hướng tới sản xuất bền vững chủ yếu liên quan đến lợi nhuận thu được. Các

doanh nghiệp có thực hiện các chương trình, biện pháp tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm điện, tiết kiệm nước, tiết kiệm nguyên vật liệu nhằm mục tiêu giảm giá thành sản phẩm. Có đến trên 90% các doanh nghiệp được điều tra chưa có quy trình, chương trình, hoạt động liên quan đến việc sử dụng các nguồn năng lượng, nguồn nước, nguyên liệu tự nhiên có thể tái tạo được. Đây là các hoạt động đo lường, đánh giá về tiêu dùng bền vững. Do đó, phát triển doanh nghiệp không bền vững được thể hiện rõ nét trong hoạt động này.

Để đảm bảo sự hài lòng của khách hàng và người tiêu dùng chủ yếu là giải quyết khiếu nại, không thực hiện các giải pháp điều tra, phỏng vấn để có những giải pháp thiết thực cho hoạt động này. Có đến 95% doanh nghiệp được điều tra không bị phạt và không được khen thưởng, không có phần nài của khách hàng trong 3 năm gần đây. Có 65% doanh nghiệp thông tin chưa đầy đủ đến khách hàng và người tiêu dùng về những thay đổi trong đặc tính của sản phẩm, dịch vụ của mình. Thực tế có những phần nài, khiếu nại của khách hàng được doanh nghiệp đáp ứng nhưng không được ghi lại, doanh nghiệp bị phạt nhưng giải quyết không qua văn bản chính thức. Đội ngũ cán bộ về đạo đức kinh doanh, đảm bảo quyền lợi của khách hàng và người tiêu dùng hầu như không có.

Kết quả điều tra cho thấy trong lĩnh vực môi trường nhằm phát triển bền vững các doanh nghiệp ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực đem lại lợi ích trước mắt cho doanh nghiệp như công nghệ sản xuất sạch hơn, sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, tái chế chất thải, thu gom sử lý chất thải, tuân thủ các quy định về môi trường của pháp luật. Các hoạt động bảo vệ môi trường ở mức cao hơn như sử dụng năng lượng tái tạo, ứng phó với biến đổi khí hậu, đầu tư bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học... chưa được quan tâm đầu tư. Được hỏi về động lực và tầm quan trọng của hoạt động bảo vệ môi trường đa phần các doanh nghiệp cho rằng đây là hoạt động tuân thủ luật pháp về bảo vệ môi trường, lo sợ các cơ quan quản lý môi trường xử phạt. Đồng thời các hoạt động này cũng phải góp phần tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, gia tăng lợi nhuận, nâng cao danh tiếng, hình ảnh của doanh nghiệp trong cộng đồng.

Để hướng đến phát triển bền vững các doanh nghiệp phải thực hiện và tuân thủ nhiều hoạt động bảo vệ môi trường. Các doanh nghiệp đã tuân thủ pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường thông qua việc đã có đầy đủ các loại giấy phép và các quyết định có liên quan đến quy định

bảo vệ môi trường, kê khai và nộp đủ thuế, phí bảo vệ tài nguyên và môi trường. Các hoạt động quan trắc, giám sát chất lượng, cải thiện môi trường không được duy trì thường xuyên và thường mang tính đối phó với các cơ quan quản lý. Cụ thể, trong việc đầu tư trang thiết bị và bố trí nhân sự phụ trách về môi trường có đến 90% các doanh nghiệp không có. Khi được hỏi các doanh nghiệp rất hạn chế tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân viên và người lao động. Chỉ có 10% số doanh nghiệp đang thực hiện sản xuất sạch thông qua sản xuất gạch không nung và một số sản phẩm có sử dụng nguyên vật liệu tái chế.

Qua thực hiện phỏng vấn sâu tại các doanh nghiệp nguyên nhân chủ yếu các doanh nghiệp chưa thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường là: (1). Ý thức tự giác chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp chưa cao, việc thực hiện còn mang tính đối phó; (2). Các doanh nghiệp còn khó khăn về tài chính, rất khó khăn khi phải đầu tư chi phí xử lý chất thải đáp ứng tiêu chuẩn cho phép; (3). Một số cơ sở nằm xen kẽ trong khu dân cư không đảm bảo khoảng cách an toàn, thiếu quỹ đất để xây dựng hệ thống xử lý.

Đối với các vấn đề trong lĩnh vực xã hội các doanh nghiệp quan tâm đầu tư phần lớn hướng đến hỗ trợ các tổ chức xã hội, ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương. Những vấn đề xã hội khác như hợp tác và hỗ trợ các cơ sở giáo dục, bảo tồn và phát triển văn hóa, hoạt động thể thao cộng đồng, sức khỏe của cộng đồng, giáo dục và đào tạo ... ít được quan tâm đầu tư. Việc thực hiện sử dụng lao động chưa đáp ứng đầy đủ luật lao động hiện hành. Tiền lương, tiền công phần lớn được trả theo thỏa thuận, các khoản đóng bảo hiểm dựa trên mức tiền lương tối thiểu mà không dựa trên mức lương thực tế. Công tác huấn luyện an toàn và vệ sinh lao động được thực hiện hình thức. Chỉ có 76% số doanh nghiệp có tổ chức công đoàn và các tổ chức công đoàn này có tiếng nói bảo vệ quyền lợi và lợi ích của người lao động còn rất nhiều hạn chế. Khi được hỏi vì sao doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ các chính sách xã hội, câu trả lời là chủ yếu đáp ứng yêu cầu chung của pháp luật (47%), thực hiện cam kết của lãnh đạo doanh nghiệp (92%), áp lực từ các bên liên quan (55%). Đối với câu hỏi: đánh giá mức độ quan trọng các vấn đề xã hội đối với doanh nghiệp, 95% câu trả lời là người lao động không đảm bảo sức khỏe và an toàn tại nơi làm việc 85% là tham nhũng và hối lộ, 58% là bất bình đẳng xã hội.

4. Các đề xuất, kiến nghị nhằm phát triển bền vững DNNVV trong lĩnh vực sản xuất VLXD trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên để phát triển bền vững cần đi trên con đường đổi mới sáng tạo, con đường nghiên cứu phát triển, tạo ra giá trị gia tăng bằng sản phẩm dịch vụ mới. Xu thế phát triển kinh tế kinh doanh hiện nay gắn liền với sáng tạo, công nghệ và hội nhập. Sự phát triển kinh tế ngày càng gắn với yếu tố môi trường và xã hội, đòi hỏi sản xuất, sản phẩm và tiêu dùng xanh. Vì thế, các doanh nghiệp muốn phát triển cần học cách đi trên con đường đổi mới sáng tạo, con đường nghiên cứu phát triển, tạo ra giá trị gia tăng bằng sản phẩm dịch vụ mới, bằng yếu tố mới của sản phẩm, dịch vụ.

Các doanh nghiệp cần thực hiện về Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp. Công tác Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp không thể thực hiện thành công nếu không có sự phối hợp của toàn thể công ty, với người lãnh đạo cao nhất cam kết sẵn sàng thực hiện chính sách và chương trình trách nhiệm xã hội doanh nghiệp. Chính sách trách nhiệm xã hội doanh nghiệp cần được xây dựng như một cam kết và hướng dẫn của lãnh đạo, tập trung vào những lĩnh vực được lựa chọn phù hợp nhất với doanh nghiệp, có thể lựa chọn 2 đến 3 lĩnh vực để tập trung làm nền tảng cho chiến lược phát triển trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Áp dụng mô hình kinh doanh theo chiều hướng đổi mới sinh thái để tạo nên một chiến lược kinh doanh mới hướng đến phát triển bền vững bao quát mọi hoạt động kinh doanh dựa trên tư duy vòng đời sản phẩm và hợp tác với các đối tác thông qua chuỗi giá trị. Nó đưa ra một tập hợp các cải tiến và giải pháp mới cho sản phẩm (hàng hóa/dịch vụ), cho quy trình công nghệ, cho tiếp cận thị trường và cho cả cơ cấu tổ chức giúp công ty tăng cường khả năng cạnh tranh và kết quả kinh doanh.

Xây dựng chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp gắn với bảo vệ môi trường và nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Khi quyết định bắt tay thực hiện một chặng đường dài hướng đến việc thực hiện phát triển bền vững phải được đưa vào chiến lược, phải chọn lọc, từ cấp độ chiến lược trong mô hình kinh doanh. Những thay đổi ở cấp độ mô hình kinh doanh sau đó mở đường những thay đổi ở cấp độ điều hành (bao gồm các sản phẩm của công ty, thị phần khách hàng, kênh, mối quan hệ khách hàng, dòng doanh thu, quy trình sản xuất, các hoạt động then chốt, đối tác và cơ cấu chi phí).

5. Kết luận

Phát triển bền vững là xu thế tất yếu của thời đại và trở nên phổ biến trong cộng đồng doanh nghiệp trên phạm vi toàn cầu cũng như tại Việt Nam, nhất là trong giai đoạn cạnh tranh gay gắt và hội nhập kinh tế mạnh mẽ hiện nay. Để khắc phục tình trạng phát triển không bền vững của các DN VN trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Chính phủ và địa phương đã có những định hướng và chính sách để phát triển bền vững doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhỏ và

vừa nói riêng. Tuy nhiên, các giải pháp đưa ra được nhìn nhận đánh giá từ phía các cấp, các ngành, các thành phần tham gia trong chuỗi giá trị sản xuất sản phẩm. Vì vậy, cần làm rõ tình hình thực hiện phát triển bền vững tại các doanh nghiệp, từ đó có những đề xuất, kiến nghị thiết thực từ phía bản thân các doanh nghiệp để các DNNVV trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng tại địa bàn tỉnh Thái Nguyên thực sự phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên. (2017). *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2016*. Thái Nguyên.
- [2]. John Blewitt. (2008). *Understanding Sustainable Development*. Vienna – Austria: Earth Scan, Sterling.
- [3]. *Nghị định số 56/2009/NĐ-CP, ngày 30/6/2009, Nghị định về trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa của Thủ tướng Chính phủ*.
- [4]. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. (2006). *Định hướng chiến lược phát triển bền vững tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 (Chương trình nghị sự 21 Thái Nguyên)*. Thái Nguyên.
- [5]. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. (2013). *Quy định về quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*. Thái Nguyên
- [6]. VCCI. (2016). Chương trình đánh giá, xếp hạng các doanh nghiệp Việt Nam 2016. “*Bộ chỉ số doanh nghiệp Bền vững*”. Hà Nội.
- [7]. WCED. (1987). Report of World Commission on Environment and Development. “*Our common future*”. Nairobi - Kenya.

Thông tin tác giả:

1. Nguyễn Đức Thu

- Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế & QTKD
- Địa chỉ email: thuqtkd@tueba.edu.vn

2. Nguyễn Văn Anh

- Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế & QTKD

Ngày nhận bài: 24/10/2017

Ngày nhận bản sửa: 04/12/2017

Ngày duyệt đăng: 15/01/2018